

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Kết luận số 83-KL/TW ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính
trị về việc cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội,
trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 204/2004/NĐ-CP ngày 14
tháng 12 năm 2004 về việc chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên
chức và lực lượng vũ trang; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số
27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc quản lý giống cây trồng
Lâm nghiệp; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc một số
chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn: số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 về việc hướng dẫn
một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; số 17/2022/TT-
BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông
nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh; số 25/2022/TT-BNNPTNT
ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển
mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15
tháng 12 năm 2023 về việc quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm
nghiệp; số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc sửa đổi,
bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD
ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí

đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 4279/BCTĐ-STC ngày 29 tháng 7 năm 2024; của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3822/SNN&PTNT-KL ngày 13 tháng 7 năm 2024 (kèm theo hồ sơ có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là 230.150.000 đồng/ha.

2. Căn cứ vào điều kiện lập địa (nhóm đất, nhóm thực bì), cự ly di chuyển, loài cây giống trồng rừng, chủ dự án trồng rừng thay thế lập hồ sơ thiết kế, dự toán phù hợp với thực tế hiện trạng khu vực đất trồng rừng và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định về định mức, đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh; thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều chỉnh những bất cập, thiếu sót liên quan đến đơn giá trồng rừng thay thế theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu, tổ chức triển khai đơn giá trồng rừng thay thế; các bước công việc liên quan về trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tính phù hợp đối với các hồ sơ, số liệu, tài liệu liên quan đến cơ sở, định mức xây dựng đơn giá, hồ sơ trình phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế khi cần thiết và thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định phương án trồng rừng thay thế, hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế của chủ đầu tư theo đúng quy định và thẩm quyền.

d) Tổ chức theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc áp dụng đơn giá trồng rừng thay thế và công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NN.

(MC42.08.24)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang